TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HS-ST
Ngày: 19 - 4 - 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Nhi và Ông Trần Kim Thành

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 34/2019/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Thị T, sinh năm 1977 tại Hà Tĩnh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố 06, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; tạm trú tại địa chỉ tổ 02, khu phố 3, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Ngô Thị X, sinh năm 1948; bị cáo có chồng là anh Bùi Hữu H, sinh năm 1964 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2018 đến ngày 01/02/2019 được tại ngoại, "có mặt".

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Trần Thị H, sinh năm 1980; nơi cư trú khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước "có mặt".

Người làm chứng:

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982; nơi cư trú khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước "vắng mặt".

Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981, nơi cư trú ấp 02, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước "vắng mặt".

Chị Đồng Thị Ngọc L, sinh năm 1989; nơi cư trú khu phố 03, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước "vắng mặt".

Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1981; nơi cư trú tại địa chỉ ấp 03, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 4/2017, Trần Thị T thuê đất của anh Nguyễn Quốc T mở quán cà phê "Cuối Phố" thuộc khu phố 3, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Để giữ khách và thu hút khách đến quán uống nước T đồng ý cho gái bán dâm đến quán làm tiếp viên phụ T bán nước, không phải trả lương. T thỏa thuận với gái bán dâm, khi khách nam đến quán uống nước thì gái bán dâm ra tiếp, nói chuyện với khách, nếu khách có nhu cầu mua dâm thì gái bán dâm tự thỏa thuận giá cả và địa điểm bán dâm, đồng thời gái bán dâm phải bán cho T hai chai nước, khách một chai và gái bán dâm một chai, loại nước gì thì cũng phải trả cho T 50.000 đồng trong đó có tiền nước và tiền T cho mượn địa điểm để thỏa thuận mua bán dâm. Nếu không có gái bán dâm ở quán mà khách có nhu cầu mua dâm thì T gọi điện thoại cho gái bán dâm về đi bán dâm.

Khoảng 13 giờ ngày 03/01/2019, Trịnh Văn T đến quán, vào chòi số 02 thì Đồng Thị Ngọc L mang hai chai nước ra tiếp và thỏa thuận việc mua bán dâm với T với giá 400.000 đồng/1 lần, tiền nước, tiền nhà nghỉ do L trả. Túy đồng ý và đưa cho L 400.000 đồng, sau đó L đưa cho T 50.000 đồng và cùng T đến nhà nghỉ "Đầu Đường Đôi", thấy phòng nghỉ mở cửa, không có chủ nhà nghỉ, L và T vào phòng số 09 thực hiện hành vi mua bán dâm. Sau khi L đi thì có Hoàng Viết N, Lê Văn T, Trần Văn Q đến quán vào chòi số 05 thì Nguyễn Bích T và Nguyễn Thị T mang năm chai nước ngọt ra tiếp và thỏa thuận việc mua bán dâm với N, T, Q, giá mua bán dâm 350.000 đồng/1 lượt/1 người, tiền nước và tiền nhà nghỉ T, T trả. Do chỉ có hai gái bán dâm nên N đưa cho T 700.000 đồng để T, Quang đi mua dâm với T và T trước còn N ngồi chờ gọi thêm gái bán dâm. T nhận 700.000 đồng và đưa lại cho T rồi cùng Q và T đến nhà nghỉ Đầu Đường Đôi gặp ông Trần Xuân H thuê phòng và xin 02 bao cao su, ông H không yêu cầu xuất trình giấy tờ, không ghi vào sổ đăng ký lưu trú, T và T vào phòng số 08 còn T và Q vào phòng số 10 của nhà nghỉ thực hiện hành vi mua bán dâm. Đối với N, do chờ lâu nên N đi vào quầy gặp T hỏi "tiếp viên nữ đâu sao lâu vậy" T nói "anh chờ tý đi để em gọi nó về", T hiểu là N nói T gọi gái bán dâm về để bán dâm nên T sử dụng số điện thoại 0971.110.949 gọi điện thoại vào số của L 0363155019, hỏi "em ở gần đây hay ở xa, nếu gần thì về đi làm, có khách đến", L hỏi "khách có đi chơi không" (nghĩa là khách có mua dâm không), T trả lời "có". L hiểu T gọi về đi bán dâm nên khoảng 05 phút sau L về quán và vào chòi số 05 thỏa thuận mua bán dâm với N với giá 400.000 đồng/1 lượt, N đồng ý và đưa tiền cho L, L đưa cho T 50.000 đồng, rồi cùng N đi đến nhà nghỉ "Đầu Đường Đôi" gặp Nguyễn Thị Hồng L thuê phòng và xin 01 bao cao su, L không lấy giấy tờ tùy thân, không ghi vào sổ đăng ký lưu trú, L và N vào phòng số 01

của nhà nghỉ thực hiện hành vi mua bán dâm. Đến 14 giờ 00 phút cùng ngày, lực lượng Công an thành phố Đ phối hợp Công an phường T kiểm tra hành chính nhà nghỉ "Đầu đường đôi" phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang tại các phòng 01, 08, 09, 10 của nhà nghỉ có 04 cặp L với T, T với T, T với Q, L với N đang mua bán dâm.

Đến 19 giờ cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ tiến hành khám xét khẩn cấp quán cà phê C và ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Trần Thị T.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Đ thu giữ: 03 bao cao su, 03 vỏ bao cao su hiệu O'Kool đã qua sử dụng, 03 bao cao su hiệu O'Kool chưa sử dụng, 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đen của Nguyễn Thị L; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng của Nguyễn Bích T; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh của Đồng Thị Ngọc L; 01 điện thoại di động hiệu Sam sung màu vàng, 01 điện thoại Vell-com màu đỏ của Nguyễn Thị T, 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự, 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và số tiền 1.400.000 đồng.

Thu giữ trong quá trình khám xét: 01 điện thoại di động hiệu OPPO F7, màu đỏ , số tiền 560.000 đồng, 01 bao cao su hiệu O'Kool, 01 bao cao su hiệu VPF, 02 bao cao su hiệu Kinhstir, 01 giấy chứng minh nhân dân mamng tên Trần Thị T.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ quyết định xử lý vật chứng: Trả lại cho Nguyễn Thị L 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đen, cho Nguyễn Bích T 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng, cho Đồng Thị Ngọc L 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, cho Nguyễn Thị T 01 điện thoại di động hiệu Sam sung mà vàng, 01 điện thoại Vell-com màu đỏ. Tiêu hủy 03 bao cao su, 03 vỏ bao cao su hiệu O'Kool đã qua sử dụng và 03 bao cao su hiệu O'Kool chưa qua sử dụng.

Tại Bản cáo trạng số 35/CT-VKS-ĐX ngày 27/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ đã truy tố bị cáo Trần Thị T về tội "Môi giới mại dâm" theo khoản 1 Điều 328 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 06 đến 09 tháng tù.

Về vật chứng vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.500.000 đồng. Trả lại cho bị cáo Trần Thị T số tiền 460.000 đồng; 01 Chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị T; trả lại cho chị Trần Thị H 01 điện thoại di động hiệu OPPO F7, màu đỏ. Tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su hiệu O'Kool, 01 bao cao su hiệu VPF, 02 bao cao su hiệu Kinhstir.

Bị cáo T tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng số 35/CT-VKS-ĐX ngày 27/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của người làm chứng; phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ tài sản, với kết luận điều tra, vật chứng vụ án cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do muốn thu lợi bất chính bằng hình thức làm trung gian môi giới người có nhu cầu bán dâm cho người mua dâm nên khoảng 13 giờ ngày 03/01/2019, Trần Thị T đã có hành vi gọi điện thoại cho Nguyễn Thị L về quán cà phê "C" thuộc khu phố 3, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước để L thỏa thuận việc bán dâm cho Hoàng Viết N, khi L và N thỏa thuận được việc mua dâm thì L đưa cho T 50.000 đồng và cùng N đi thuê nhà nghỉ "Đầu Đường Đôi" thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị lực lượng Công an bắt quả tang.

Căn cứ vào hành vi bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội môi giới mại dâm. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 328 của Bộ luật Hình sự.

[3] Bị cáo là người đã thành niên, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi làm trung gian, dẫn dắt, để người khác thỏa thuận việc mua bán dâm là hành vi vi phạm pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mong muốn có tiền một cách nhanh chóng mà bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

[4] Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng, ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa tại địa phương nơi có tội phạm xảy ra và là một trong những nguyên nhân làm lây lan các căn bệnh xã hội cần được loại trừ. Vì vậy cần phải có mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về hành vi của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo có công với cách mạng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, còn nuôi 02 con nhỏ, do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo để giáo dục mà chỉ cần lên cho bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội, cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Đối với Nguyễn Bích T, Đồng Thị Ngọc L, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị L có hành vi bán dâm nên Công an thành phố Đ đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mỗi người với số tiền 200.000 đồng về hành vi "Bán dâm" theo khoản 1 Điều 23 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

Đối với Trịnh Văn T, Hoàng Viết N, Lê Văn T, Trần Văn Q có hành vi mua dâm nên Công an thành phố Đ đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mỗi người với số tiền là 750.000 đồng về hành vi "Mua dâm" theo khoản 1 Điều 22 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

Đối với ông Nguyễn Quốc T khi cho thuê đất để mở quán bán nước, không biết Trần Thị T làm địa điểm giao dịch mua bán dâm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đặt vấn đề xử lý.

Đối với ông Nguyễn Xuân H khi giao phòng cho khách, không biết việc thuê phòng nghỉ để thực hiện hành vi mua bán dâm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đặt vấn đề xử lý.

Đối với bà Nguyễn Thị Hồng L chủ nhà nghỉ "Đầu Đường Đôi" khi cho khách thuê phòng nghỉ không lấy giấy tờ tùy thân, không ghi vào sổ đăng ký lưu trú nên Uỷ ban nhân dân thành phố Đ đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 17.500.000 đồng về hành vi "Người đứng đầu cơ sở kinh doanh dịch vụ thiếu tinh thần trách nhiệm để xảy ra hoạt động mua dâm, bán dâm ở cơ sở do mình quản lý" theo khoản 1 điều 25 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

[6] Về vật chứng vụ án:

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.500.000 đồng, được chứng minh bị cáo T và những đối tượng bán dâm thu lợi bất chính mà có được.

Cần trả lại cho bị cáo Trần Thị T số tiền 460.000 đồng; 01 Chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị T. Trả lại cho chị Trần Thị H 01 điện thoại di động hiệu OPPO F7, màu đỏ.

Tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su hiệu O'Kool, 01 bao cao su hiệu VPF, 02 bao cao su hiệu Kinhstir.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị T phạm tội "*Môi giới mại dâm"*.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tuyên giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

3. Về vật chứng của vụ án:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.500.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo Trần Thị T số tiền 460.000 đồng, 01 Chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị T.

Trả lại cho chị Trần Thị H 01 điện thoại di động hiệu OPPO F7, màu đỏ đã cũ, không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong.

Tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su hiệu O'Kool, 01 bao cao su hiệu VPF, 02 bao cao su hiệu Kinhstir (đã cũ, chưa rõ chuẩn loại).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0001664, quyển số 0034, ký hiệu D47/2017 ngày 28/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Đ).

4. Về án phí:

Căn cứ Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*)

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND thành phố Đ;*
- *VKSND tỉnh Bình Phước;*
- *Chi cục THADS thành phố Đ;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.*
- *CA thành phố Đ;*
- *Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu HS-VP*.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Lê Văn An